

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phầm;

Bà Bùi Thị Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 100/2026/TLST- HS ngày 08/7/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2026/HSST-QĐ ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phan Thanh M.**, sinh ngày 20/02/1983; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Phan Văn L., sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Đỗ Thị T., sinh năm 1958, Hiện bố, mẹ đều ở [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hải Phòng; Vợ: Nguyễn Thị Ngọc L., sinh năm 1991; Con: Có 01 con sinh năm 2014; Hiện vợ, con đều ở [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hồ Chí Minh; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 2 anh em, bị cáo là thứ nhất;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân (án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh M.: Ông Nguyễn Huy L. và ông Phùng Quang H. – Đều là Luật sư thuộc công ty luật TNHH Legal Gate Việt Nam – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Họ và tên: **Hà Đức N.**, sinh ngày 14/10/1991; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Hà Đức N., sinh năm 1962; Mẹ đẻ: Nguyễn Hồng N., sinh năm 1961. Hiện bố, mẹ đều ở [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Quảng Ninh; Vợ: Nguyễn Thị H., sinh năm 1993; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2022; Hiện vợ, con đều ở tại: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Hà Đức N.: Ông Nguyễn Huy L. và ông Phùng Quang H. – Đều là Luật sư thuộc công ty luật TNHH Legal Gate Việt Nam – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội. (Có mặt).

3. Họ và tên: **Lưu Hải L.**, sinh ngày 02/5/1984; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị khai trừ theo Quyết định số 08 ngày 28/01/2026 của Ủy ban kiểm tra- Đảng uỷ UBND tỉnh Phú Thọ; Bố đẻ: Lưu Đình T. (đã chết); Mẹ đẻ: Vũ Thị Y., sinh năm 1950, hiện ở: phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Thái Thị Thanh H., sinh năm 1991; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; Hiện vợ và con đều ở tại: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 2 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại phường Thang Miếu, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

4. Họ và tên: **Trần Văn H.**, sinh ngày 24/6/1990; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Trần Thanh N., sinh năm 1949; Mẹ đẻ: Trần Thị S., sinh năm 1955, Hiện bố, mẹ đều ở tại: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Ninh Bình; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn Đình T.**, sinh ngày 09/9/1983; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Chỗ ở hiện nay: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: Nguyễn Đình T., sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M., sinh năm 1955; Hiện bố, mẹ đều ở tại: phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Phạm Hà L., sinh năm 1988; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2023; Hiện vợ, con đều ở tại: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ; Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con duy nhất trong gia đình;

Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Ngày 06/12/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ tiếp nhận nguồn tin về tội phạm của quần chúng nhân dân tố cáo nhóm đối tượng trên mạng Internet có hành vi Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp thông qua hình thức mời gọi tham gia vào dự án tiền ảo Wefi. Sau khi tiếp nhận, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành xác minh và xác định:

Khoảng tháng 06/2024, Phan Thanh M., sinh năm 1983, trú tại: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hải Phòng cùng Hà Đức N., sinh năm 1991, trú tại: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội; Trần Văn H., sinh năm 1990, trú tại: [địa chỉ đã mã hóa], thành phố Hà Nội đi tham gia hội thảo tại Dubai để tìm hiểu về dự án Wefi. Sau khi nghiên cứu về dự án, M. cùng N. và H. xác định được hoạt động của dự án Wefi như sau:

Dự án Wefi được khởi chạy từ ngày 19/9/2024, chủ sáng lập là người Mỹ. Dự án giới thiệu về đồng WFI (tiền mã hóa của hệ thống Wefi) được chào sàn Bitmart đầu tiên vào ngày 18/11/2024 với tỷ giá 01 WFI bằng 0,1 USDT và trong tương lai có thể tăng lên từ 3- 10 USDT. Quy ước 1 USDT tương ứng với 1 USD.

Để tạo được tài khoản, người tham gia (nhà đầu tư) phải có mã giới thiệu của người giới thiệu và truy cập vào website: <https://wefi.co> để mở tài khoản. Sau đó người tham gia lập tài khoản, lúc đó sẽ có 01 ví tiền điện tử phi tập trung được hệ thống tạo ra ngẫu nhiên cho mỗi nhà đầu tư. Sau đó, nhà đầu tư phải mua đồng tiền USDT nạp vào ví Wefi để mua đồng ITO, từ đó thực hiện việc khai thác đồng tiền WFI. Sau đó hệ thống Wefi sẽ trả thưởng cho các nhà đầu tư bằng đồng tiền WFI về ví cá nhân đã được hệ thống tạo nói trên.

Để phát triển hệ thống người tham gia, Wefi quy định 20 cấp bậc (từ level 1 đến level 20) và điều kiện để đạt mỗi cấp bậc cho người tham gia. Tương ứng với mỗi cấp bậc đạt được, người tham gia sẽ nhận được một tỉ lệ hoa hồng, tiền thưởng nhất định, tối thiểu là 5% và tối đa là 25%. Trong đó, riêng level 1 thì chỉ cần đầu tư tối thiểu 500 USDT.

Để đạt cấp bậc level, người tham gia (F0) cần “phát triển cộng đồng”, kêu gọi người khác tham gia đầu tư vào Wefi thông qua mã giới thiệu của mình (thành F1), khi tổng doanh số cấp dưới đạt số tiền nhất định thì F0 sẽ được nâng cấp bậc. Ngoài ra, các thành viên F1 tiếp tục giới thiệu mời được người tham gia đầu tư mới (F2) dưới nhánh của F1 thông qua đường link giới thiệu của F1. Các thành viên mới sẽ được xếp xuống cấp dưới của các thành viên cũ. Cứ như vậy hệ thống sẽ phát triển xuống dưới mà không bị giới hạn. Hệ thống Wefi quy định có 02 thành phần tham gia hệ thống gồm:

Thứ nhất là các Node, hay còn gọi là nhà đầu tư, là những người tập trung vào

đầu tư và nhận hoa hồng = đồng WFI từ chính kết quả đầu tư của mình;

Thứ hai là các KOL, bản chất là các Node (nhà đầu tư), quá trình đầu tư các Node này đã phát triển cộng đồng của mình để từ đó kêu gọi được nhiều người tham gia đầu tư thông qua mã giới thiệu refflink của các Node, từ đó hưởng được hoa hồng = USDT từ hệ thống thông qua kết quả đầu tư của cấp dưới.

Hệ thống đưa ra 02 hình thức chi trả hoa hồng là trực tiếp và gián tiếp. Hoa hồng trực tiếp là nhà đầu tư sử dụng USDT để mua ITO (là gói đào đồng tiền điện tử WFI do hệ thống Wefi phát hành, với tỷ giá khoảng 1 ITO = 0,52 USDT) và nhận thưởng bằng đồng WFI (từ khi phát hành WFI có giá 0,22 USD, tại thời điểm bị phát hiện giá khoảng 2,27 USDT). Từ đó, nhà đầu tư được hưởng lợi nhuận từ khoản tiền đầu tư của mình bỏ ra khi đồng WFI tăng giá. Hoa hồng gián tiếp là hoa hồng có được từ việc phát triển hệ thống (F0 sẽ nhận được 3% trên tổng số đồng WFI do F1 khai thác được; 5% trên tổng số đồng WFI do F2 khai thác được; 8% trên tổng số đồng WFI do F3 khai thác được). Mục đích hệ thống chi trả nhiều % hơn đối với các nhà đầu tư cấp dưới để kích thích F0 tập trung phát triển vào hệ thống cấp dưới.

Đối với các KOL, ngoài được hưởng chính sách chi trả hoa hồng như các node, các KOL còn được chi trả thêm khoản tiền thưởng từ nguồn cashback (hoàn tiền) và được chia thành 02 hình thức là Cashback trực tiếp và Cashback từ các nhà đầu tư cấp dưới (Cashback nhóm).

- Cashback trực tiếp là % hoa hồng trực tiếp tổng tiền F1 đầu tư vào hệ thống theo tỉ lệ thấp nhất là 05%, cao nhất là 25% tương ứng với Level của các KOL;

- Cashback từ các nhà đầu tư cấp dưới (hay còn gọi là cashback nhóm) là % cashback = (% hoa hồng hệ thống chi trả theo cấp bậc của F0) - (% hoa hồng hệ thống chi trả theo cấp bậc của F1).

Việc chi trả tiền lợi nhuận đầu tư sẽ bằng đồng WFI, hệ thống trả từ ví điện tử của dự án có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa] đến ví do các nhà đầu tư đăng ký hoặc ví điện tử mặc định khi tạo tài khoản. Tiền phát triển hệ thống sẽ chi trả bằng đồng USDT thông qua ví điện tử của dự án có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa].

Sau khi tìm hiểu về dự án, M. tham gia vào hệ thống thông qua mã mời do Hà Đức N. cung cấp (N. được người nước ngoài không xác định được danh tính tự xưng là người của dự án Wefi cung cấp) và đăng tài khoản tên [\[email đã mã hóa\]](#) và [\[email đã mã hóa\]](#). Với tài khoản [\[email đã mã hóa\]](#) M. đầu tư 1.000 USDT; Tài khoản [\[email đã mã hóa\]](#) M. đầu tư 10.000 USDT. Ví điện tử M. đăng ký để nhận tiền từ hệ thống có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa]. Để được hưởng lợi theo chính sách phát triển của hệ thống, M. đã chia sẻ mã mời cho Trần Văn H., Hà Đức N. và

Lưu Hải L., sinh năm 1984, trú tại: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ để phát triển hệ thống, đồng thời sử dụng mã mời của mình chia sẻ trên các hội nhóm cộng đồng trên mạng xã hội zalo cho nhiều người (M. không xác định được thông tin chính xác về những người này). Thông qua việc phát triển hệ thống, M. đã được hưởng lợi số tiền 163.535 USDT và được trả vào ví điện tử của M. có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa]. Số tiền được hưởng lợi M. đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi nhận mã mời của M., N. tạo tài khoản tên [\[email đã mã hóa\]](#) đăng ký ví điện tử có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa] để nhận tiền từ hệ thống. Sau đó N. đầu tư 800 USDT đồng thời chia sẻ mã mời trên các hội nhóm mạng xã hội để phát triển hệ thống (N. không xác định được thông tin chính xác về những người này). Thông qua việc phát triển hệ thống, N. đã hưởng lợi số tiền 173.639 USDT và được hệ thống trả thẳng vào ví điện tử của N.. Số tiền được hưởng lợi N. đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi nhận mã giới thiệu của M., H. tạo tài khoản tên [\[email đã mã hóa\]](#) đăng ký ví điện tử có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa] để nhận tiền USDT từ hệ thống. Sau đó H. đầu tư 10.833 USDT đồng thời chia sẻ mã mời trên các hội nhóm mạng xã hội để phát triển hệ thống (H. không xác định được thông tin chính xác về những người này). Thông qua việc phát triển hệ thống, H. đã được hưởng lợi số tiền 41.996 USDT và được hệ thống trả thẳng vào ví điện tử của H.. Số tiền này H. đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi nhận mã mời của M., Lưu Hải L. đã tạo tài khoản tên [\[email đã mã hóa\]](#) đăng ký ví điện tử có địa chỉ [ví điện tử đã mã hóa] để nhận tiền USDT từ hệ thống. Sau đó L. đầu tư 2.500 USDT đồng thời chia sẻ mã mời trên các hội nhóm mạng xã hội để phát triển hệ thống (L. không xác định được thông tin chính xác về những người này). Ngoài ra, L. gửi mã mời cho Nguyễn Đình T., sinh năm 1983, trú tại: [địa chỉ đã mã hóa], tỉnh Phú Thọ. Thông qua việc phát triển hệ thống, L. đã được hưởng lợi số tiền 70.260 USDT và được hệ thống trả thẳng vào ví điện tử của L.. Số tiền này H. đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi nhận mã mời của L., Nguyễn Đình T. tạo tài khoản tên [\[email đã mã hóa\]](#) và tự tạo ra thêm 04 tài khoản khác để phát triển hệ thống. 05 tài khoản gắn với 05 ví điện tử có địa chỉ gồm:

- [ví điện tử đã mã hóa];
- [ví điện tử đã mã hóa];
- [ví điện tử đã mã hóa];
- [ví điện tử đã mã hóa];
- [ví điện tử đã mã hóa] để nhận tiền USDT từ hệ thống. Sau đó T. đầu tư

tổng cộng 2.000 USDT đồng thời chia sẻ mã mời trên các hội nhóm mạng xã hội để phát triển hệ thống (T. không xác định được thông tin chính xác về những người này). Thông qua việc phát triển hệ thống, T. đã được hưởng lợi số tiền 12.217 USDT và được hệ thống trả thẳng vào ví điện tử của L.. Số tiền này H. đã rút ra và chi tiêu cá nhân hết.

Tại Cơ quan điều tra, Phan Thanh M., Hà Đức N., Trần Văn H., Lưu Hải L., Nguyễn Đình T. đã khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ có văn bản đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến dự án Wefi; thông tin các trang website <https://www.wefi.co> và <https://www.salepoint.io>

- Tại văn bản số 2146 ngày 30/12/2025 của Cục thương mại điện tử và kinh tế số Bộ Công Thương xác định: Cục TMĐT và KTS không nhận được hồ sơ nào về việc thực hiện thủ tục đăng ký, thông báo của hai Website này;

- Tại văn bản số 2032 ngày 16/12/2025 của Ủy ban cạnh tranh quốc gia -Bộ công thương xác định: Tính đến thời điểm hiện nay, UBCTQG chưa cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cho tổ chức, cá nhân nào liên quan đến dự án Wefi nêu trên; UBCTQG đánh giá mô hình hoạt động kinh doanh của Dự án Wefi có địa chỉ Webside <https://www.wefi.co> và <https://www.salepoint.io> là mô hình kinh doanh theo phương thức đa cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP”.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã có văn bản gửi Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 4 xác định tỷ giá thấp nhất khi chuyển đổi USD sang tiền Việt Nam (VNĐ) trong thời điểm từ tháng 06/2024 đến ngày 17/12/2025. Tại văn bản số 128 ngày 19/01/2026, Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh khu vực 4 xác định tỷ giá chuyển đổi từ đồng USD sang VNĐ thời điểm từ tháng 06/2024 đến ngày 17/12/2025 là **01 USD bằng 24.094 VNĐ**.

Căn cứ tỷ giá chuyển đổi USD sang tiền Việt Nam của Ngân hàng nhà nước Việt Nam xác định tiền thu lợi bất chính từ việc phát triển hệ thống của các bị can như sau: Phan Thanh M. thu lợi **3.940.212.290** đồng; Hà Đức N. thu lợi **4.184.139.950** đồng; Trần Văn H. thu lợi **1.011.851.620** đồng; Lưu Hải L. thu lợi **1.692.844.440** đồng; Nguyễn Đình T. thu lợi **294.356.398** đồng.

Như vậy, hành vi của Phan Thanh M., Hà Đức N., Trần Văn H., Lưu Hải L., Nguyễn Đình T. là hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp nên Phan Thanh M., Hà Đức N., Trần Văn H., Lưu Hải L., Nguyễn Đình T. phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp.

Đối với người gửi mã mời cho N. sau đó N. chuyển cho M. sử dụng và những người đầu tư và phát triển hệ thống theo mã mời của Phan Thanh M., Hà Đức N., Trần Văn H., Lưu Hải L., Nguyễn Đình T.. Những người này đều lấy mã mời trên các hội nhóm xã hội, bản thân M., N., H., L., T. đều không biết thông tin cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Đối với Website <https://www.wefi.co> và <https://www.salepoint.io> là các trang Web các bị can khai nhận truy cập để mở tài khoản và thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định Website <https://www.wefi.co> và <https://www.salepoint.io> là những trang Website có tên miền đặt ở nước ngoài, không thuộc quản lý của Việt Nam và chưa được cấp phép. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, xử lý đối với cá nhân hay tổ chức liên quan đến Webside trên.

Quá trình điều tra các bị can đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị can Phan Thanh M., Hà Đức N. tích cực khắc phục hậu quả, giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, gia đình bị can có công với cách mạng; bố bị can Phan Thanh M. là cựu chiến binh Việt nam; bị can Trần Văn H. đầu thú, có bố là ông Trần Thanh N. là thương binh hạng 4; Nguyễn Đình T. phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tích cực khắc phục hậu quả; gia đình bị can Lưu Hải L. có công với cách mạng (01 bác ruột là Liệt sỹ; 01 bác ruột là thương binh).

*** Vật chứng và tài sản thu giữ:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu vàng, số IMEI: [IMEI đã mã hóa], lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Phan Thanh M.;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy Z Fold 4 màu ghi, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; [IMEI đã mã hóa], không lắp sim thu giữ của Hà Đức N.;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu hiệu Samsung Galaxy A17 5G màu ghi, số IMEI1: [IMEI đã mã hóa], IMEI 2: [IMEI đã mã hóa], lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Trần Văn H.;
- 01 điện thoại di động hiệu nhãn hiệu Realme C15 Qualcom Edition, màu xám, có số IMEI 1: [IMEI đã mã hóa], IMEI2: [IMEI đã mã hóa]. Lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Lưu Hải L.;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max màu vàng, có số IMEI: [IMEI đã mã hóa]. Lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] Nguyễn Đình T..

Đây đều là điện thoại các bị can sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Số tiền: 8.419.556.398 đồng là tiền các bị can tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả. Trong đó: M. nộp 3.940.700.000 đồng; N. nộp 4.184.500.000 đồng; T. nộp 294.356.398 đồng.

Những vật chứng nêu trên đang được tạm giữ tại kho vật chứng- Công an tỉnh

Phú Thọ. Số tiền 8.419.556.398 đồng được nộp tại tài khoản của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

* **Về điều kiện kinh tế:** Bị can Hà Đức N. cùng vợ là Nguyễn Thị H. có 01 căn chung cư số 620, toà S1.03, Khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ thuộc phường Tây Mỗ, thành phố Hà Nội; 01 giấy CNQSDĐ số [đã mã hóa], thửa số 318, tờ bản đồ số 31, thuộc xã Nội Bài, thành phố Hà Nội và 01 sổ tiết kiệm tại ngân hàng Techcombank trị giá 1.000.000.000 đồng; Lưu Hải L. cùng vợ là Thái Thị Thanh H. có 01 GCNQSDĐ số [đã mã hóa] thửa số 112, tờ bản đồ số 38 tại phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ; Nguyễn Đình T. có 01 giấy CNQSDĐ số [đã mã hóa], thửa số 84, tờ bản đồ số tại phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ; Phan Thanh M. có tiền gửi tại ngân hàng VPBank, số tiền 1.000.000.000 đồng. Bị can Trần Văn H. không có tài sản gì có giá trị.

2. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 62/CT-VKSPT-P2 ngày 03/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo: Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. về tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 217a Bộ luật Hình sự;

- Nguyễn Đình T. về tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 217a Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. về tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 217a Bộ luật Hình sự; Nguyễn Đình T. về tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 217a Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 217a; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 35 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N..

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 217a; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lưu Hải L., Trần Văn H..

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 217a; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 4 điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đình T..

Tuyên bố các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. và Nguyễn Đình T. đều phạm tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh M., từ 1.300.000.000 đồng đến 1.400.000.000 đồng.

Xử phạt: Bị cáo Hà Đức N. từ 1.400.000.000đồng đến 1.500.000.000đồng.

Phong tỏa số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) của Phan Thanh M. tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Chi nhánh Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng theo giấy xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử ngày 29/6/2026 số tài khoản [đã mã hóa]; Số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) của Hà Đức N. tại ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Đông Đô, phòng giao dịch Tây Hà Nội, theo số tiết kiệm số: [đã mã hóa]; Mã KH [đã mã hóa]

Xử phạt: Bị cáo Lưu Hải L. từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 đến 36 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H. từ 13 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T. từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Nhưng được khấu trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ) từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025, Được quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại bị cáo phải chấp hành là 08 (tám) tháng 03 (Ba) ngày đến 11 (Mười một) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo Trần Văn H., Nguyễn Đình T., Lưu Hải L..

Xét thấy đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Phan Thanh M. và Hà Đức N. nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

***Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a, b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Phan Thanh M. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu vàng, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; Của Hà Đức N. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy Z Fold 4 màu ghi, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; [IMEI đã mã hóa]; Của Trần Văn H. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A17 5G màu ghi, số IMEI1: [IMEI đã mã hóa], IMEI 2: [IMEI đã mã hóa]; Của Lưu Hải L. 01 điện thoại di động hiệu nhãn hiệu Realme C15 Qualcom Edition, màu xám, có số IMEI 1: [IMEI đã mã hóa], IMEI2: [IMEI đã mã hóa]; Của Nguyễn Đình T. 01

điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max màu vàng, có số IMEI: [IMEI đã mã hóa] **để bán sung vào ngân sách Nhà nước.**

Tịch thu của bị cáo Phan Thanh M. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Trần Văn H. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Lưu Hải L. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Nguyễn Đình T. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa] **để tiêu hủy.**

Các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Thọ.

Tịch thu số tiền 3.940.212.290 đồng (Ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu hai trăm mười hai nghìn hai trăm chín mươi đồng) của bị cáo Phan Thanh M.; Số tiền 4.184.139.950 đồng (Bốn tỷ một trăm tám mươi tư triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng) Của bị cáo Hà Đức N.; Số tiền 1.011.851.620 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng) của bị cáo Trần Văn H.; Số tiền 1.692.844.440 đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) của bị cáo Lưu Hải L.; Số tiền 294.356.398 đồng (Hai trăm chín mươi tư triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng) của bị cáo Nguyễn Đình T. là khoản tiền thu lợi bất chính. **Để sung vào ngân sách nhà nước.**

Tạm giữ số tiền 3.940.700.000 đồng của bị cáo Phan Thanh M.; Số tiền 4.184.500.000 đồng của bị cáo Hà Đức N.; Số tiền 294.356.398 đồng của bị cáo Nguyễn Đình T. đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu tiền số: 0001026 ngày 19 tháng 3 năm 2026, số: 0000901 ngày 12 tháng 3 năm 2026 số: 0000871 ngày 11 tháng 3 năm 2026. **Để đảm bảo thi hành án.**

** Về án phí:*

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Nguyễn Đình T., Trần Văn H. và Lưu Hải L. phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

** Người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh M. và Hà Đức N.* đều nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, loại hình phạt, xử lý vật chứng Kiểm sát viên đề nghị và đề nghị áp dụng thêm khoản 1 điều 54 của Bộ luật hình sự đối với hai bị cáo để xử phạt mỗi bị cáo từ 500.000.000đ đến 1.000.000.000đ.

** Bị cáo nói lời sau cùng:*

Các bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng

xét xử xem xét, giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo có điều kiện chấp hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. và Nguyễn Đình T. đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra tội phạm. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 06/2024 đến 08/12/2025, trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H., Nguyễn Đình T. đã thực hiện hành vi kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp. Trong đó Phan Thanh M. đã thu lợi bất chính số tiền 3.940.212.290 đồng; Hà Đức N. thu lợi bất chính số tiền 4.184.139.950 đồng; Lưu Hải L. thu lợi bất chính số tiền 1.692.844.440 đồng; Trần Văn H. thu lợi bất chính số tiền 1.011.851.620 đồng; Nguyễn Đình T. thu lợi bất chính số tiền 294.356.398 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp” quy định tại điểm a khoản 2 điều 217a Bộ luật hình sự.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đình T. đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp” quy định tại điểm b khoản 1 điều 217a Bộ luật hình sự.

Điều 217a. Tội Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp

“1. Người nào tổ chức hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp mà không có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp hoặc không đúng với nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thuộc một trong các trường hợp sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 174 và Điều 290 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm:

a)

....;

b) Thu lợi bất chính từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Thu lợi bất chính 1.000.000.000 đồng trở lên;

...”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng; Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp của các tổ chức, cá nhân gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, động cơ, mục đích phạm tội là nhằm vụ lợi. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. và Nguyễn Đình T. không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. và Nguyễn Đình T. đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Phan Thanh M. đã tự nguyện nộp số tiền 3.940.700.000 đồng, bị cáo Hà Đức N. đã tự nguyện nộp số tiền 4.184.500.000 đồng và bị cáo Nguyễn Đình T. đã tự nguyện nộp số tiền 294.356.398 vào cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu tiền số: 0001026 ngày 19 tháng 3 năm 2026, số: 0000901 ngày 12 tháng 3 năm 2026, số: 0000871 ngày 11 tháng 3 năm 2026 để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Trong quá trình điều tra Phan Thanh M., Hà Đức N. đã giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, gia đình bị cáo có công với cách mạng; Bố đẻ bị cáo

Phan Thanh M. là cựu chiến binh Việt nam; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Trần Văn H. đã ra đầu thú, có bố đẻ ông Trần Thanh N. là thương binh hạng 4; Bị cáo Nguyễn Đình T. phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình bị cáo Lưu Hải L. có công với cách mạng (01 bác ruột là Liệt sỹ; 01 bác ruột là thương binh). Do vậy, bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lưu Hải L., Trần Văn H. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đình T. được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:

Đối với bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N. trước khi phạm tội lần này chưa có tiền án, tiền sự, mỗi bị cáo đều được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, các bị cáo có nhân thân tốt, hiện nay các bị cáo đều có tài sản nên lần phạm tội này không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng loại hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo các bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Lưu Hải L., Trần Văn H. trước khi phạm tội lần này chưa có tiền án, tiền sự, mỗi bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên lần phạm tội này không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Đình T. trước khi phạm tội lần này chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của mình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đủ để bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì bị cáo Nguyễn Đình T. phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định. Vì vậy miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 217a của Bộ luật Hình sự quy định: “3. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”.

Xét thấy đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N. nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Thọ xác minh bị cáo Nguyễn Đình T., Lưu Hải L. đều có tài sản là nhà, đất. Ngoài ra không có tài sản gì có giá trị, còn bị cáo Trần Văn H. không có tài sản gì chung, riêng với gia đình. Nên lần phạm tội này của các bị cáo cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[4] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu vàng, số IMEI: [IMEI đã mã hóa], lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Phan Thanh M.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy Z Fold 4 màu ghi, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; [IMEI đã mã hóa], không lắp sim thu giữ của Hà Đức N.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu

Samsung Galaxy A17 5G màu ghi, số IMEI1: [IMEI đã mã hóa], IMEI 2: [IMEI đã mã hóa], lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Trần Văn H.;

01 điện thoại di động hiệu nhãn hiệu Realme C15 Qualcom Edition, màu xám, có số IMEI 1: [IMEI đã mã hóa], IMEI2: [IMEI đã mã hóa]. Lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] thu giữ của Lưu Hải L.; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max màu vàng, có số IMEI: [IMEI đã mã hóa]. Lắp sim số [số điện thoại đã mã hóa] Nguyễn Đình T..

Xét thấy những vật chứng này các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu để bán sung vào ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với các sim điện thoại thu giữ gồm: Của Phan Thanh M. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Trần Văn H. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Lưu Hải L. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Nguyễn Đình T. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]. Xét thấy không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố đã xác định bị cáo Phan Thanh M. thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 3.940.212.290 đồng; Hà Đức N. thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 4.184.139.950 đồng; Lưu Hải L. thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 1.692.844.440 đồng; Trần Văn H. thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 1.011.851.620 đồng; Nguyễn Đình T. thu lợi bất chính từ việc phạm tội số tiền 294.356.398 đồng. Nên cần tịch thu số tiền trên của các bị cáo **để sung vào ngân sách nhà nước.**

Tạm giữ số tiền 3.940.700.000 đồng của bị cáo Phan Thanh M.; Số tiền 4.184.500.000 đồng của bị cáo Hà Đức N.; Số tiền 294.356.398 đồng của bị cáo Nguyễn Đình T. đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu tiền số: 0001026 ngày 19 tháng 3 năm 2026, số: 0000901 ngày 12 tháng 3 năm 2026, số: 0000871 ngày 11 tháng 3 năm 2026. **Để đảm bảo thi hành án.**

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N. là chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của hai bị cáo đã gây ra nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 217a; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 35 của Bộ luật Hình sự; điều 129 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N..

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 217a; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 điều 65 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lưu Hải L., Trần Văn H..

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 217a; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 4 điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Đình T..

[1]. Căn cứ kết tội các bị cáo:

Tuyên bố các bị cáo: Phan Thanh M., Hà Đức N., Lưu Hải L., Trần Văn H. và Nguyễn Đình T. đều phạm tội “Vi phạm quy định về kinh doanh theo phương thức đa cấp”.

[2]. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Phan Thanh M., 1.300.000.000đồng (Một tỷ ba trăm triệu đồng).

Xử phạt: Bị cáo Hà Đức N. 1.400.000.000đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

Phong tỏa số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) của Phan Thanh M. tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Chi nhánh Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng theo giấy xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng phương tiện điện tử ngày 29/6/2026 số tài khoản [đã mã hóa]; Số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) của Hà Đức N. tại ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (Techcombank) – Chi nhánh Đông Đô, phòng giao dịch Tây Hà Nội, theo số tiết kiệm số: [đã mã hóa]; Mã KH [đã mã hóa]. **Để đảm bảo thi hành án.**

Xử phạt: Bị cáo Lưu Hải L. 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn H. 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Hải L. cho Ủy ban nhân dân phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ và Trần Văn H. cho Ủy ban nhân dân phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ và Ủy ban nhân dân phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội trong việc quản lý, giám sát,

giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Lưu Hải L. và Trần Văn H. thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 87 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T. 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ từ ngày 08/12/2025 đến ngày 17/12/2025 quy đổi thành 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Đình T. cho Ủy ban nhân dân phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ nơi bị cáo thường trú quản lý, giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Đình T..

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đình T. không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì bị cáo Nguyễn Đình T. phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 (bốn) giờ trong một ngày và không quá 05 (năm) ngày trong 01 (một) tuần.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn H., Nguyễn Đình T., Lưu Hải L..

[3]. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Phan Thanh M. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 16 promax màu vàng, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; Của Hà Đức N. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy Z Fold 4 màu ghi, số IMEI: [IMEI đã mã hóa]; [IMEI đã mã hóa]; Của Trần Văn H. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A17 5G màu ghi, số IMEI1: [IMEI đã mã hóa], IMEI 2: [IMEI đã mã hóa]; Của Lưu Hải L. 01 điện thoại di động hiệu nhãn hiệu Realme C15 Qualcom Edition, màu xám, có số IMEI 1: [IMEI đã mã hóa], IMEI2: [IMEI đã mã hóa]; Của Nguyễn Đình T. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro max màu vàng, có số IMEI: [IMEI đã mã hóa] **để bán sung vào ngân sách Nhà nước.**

Tịch thu của bị cáo Phan Thanh M. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Trần Văn H. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Lưu Hải L. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa]; Của Nguyễn Đình T. 01 sim số [số điện thoại đã mã hóa] **để tiêu hủy.**

Các vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Thọ.

Tịch thu số tiền 3.940.212.290 đồng (Ba tỷ chín trăm bốn mươi triệu hai trăm mười hai nghìn hai trăm chín mươi đồng) của bị cáo Phan Thanh M.; Của bị cáo Hà Đức N. số tiền 4.184.139.950 đồng (Bốn tỷ một trăm tám mươi tư triệu một trăm ba mươi chín nghìn chín trăm năm mươi đồng); Của bị cáo Trần Văn H. số tiền 1.011.851.620 đồng (Một tỷ không trăm mười một triệu tám trăm năm mươi một nghìn sáu trăm hai mươi đồng); Của bị cáo Lưu Hải L. số tiền 1.692.844.440 đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng); Của bị cáo Nguyễn Đình T. số tiền 294.356.398 đồng (Hai trăm chín mươi tư triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng) là khoản tiền thu lợi bất chính. **Để sung vào ngân sách nhà nước.**

Tạm giữ số tiền 3.940.700.000 đồng của bị cáo Phan Thanh M.; Số tiền 4.184.500.000 đồng của bị cáo Hà Đức N.; Số tiền 294.356.398 đồng của bị cáo Nguyễn Đình T. đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ theo biên lai thu tiền số: 0001026 ngày 19 tháng 3 năm 2026, số: 0000901 ngày 12 tháng 3 năm 2026, số: 0000871 ngày 11 tháng 3 năm 2026. **Để đảm bảo thi hành án.**

[4]. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Phan Thanh M., Hà Đức N., Nguyễn Đình T., Trần Văn H. và Lưu Hải L. mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

thẩm VKSND Tối cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- PC 01; PV 06- Công an tỉnh Phú Thọ;
- CQ THAHS, DS tỉnh Phú Thọ;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu: AV, HSVA.

Nguyễn Hà Giang